

Bản án số: 37/2022/DS-PT

Ngày: 22/9/2022

"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Bằng và ông Nguyễn Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 23/2022/TLPT-DS ngày 27/7/2022 về việc *"Tranh chấp thừa kế tài sản"*. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2022/QĐXX-PT ngày 31/8/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Văn K1**, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 225 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị T1** (tên thường gọi: X), sinh năm 1951; địa chỉ: Số 13 phố H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Văn H1, sinh năm 1949; địa chỉ: Số 01 ngõ 41 M, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bà Lê Thị K2, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu tập thể xí nghiệp S, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bà Lê Thị N1, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 64B phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Ông Lê Văn H2, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 34G phố G, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Ông Lê Văn D1, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 41 ngõ 53 phố G, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Ông Lê Văn Q1, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 2 ngõ 5 D, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bà Lê Thị M1, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 15A H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

4. Người kháng cáo: Ông H1, ông Q1, bà N1, ông D1.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Cụ Lê Văn Q2, sinh năm 1921 và chết ngày 25/10/1992 và cụ Nguyễn Thị Y, sinh ngày 28/7/1925 và chết ngày 29/9/2009. Cụ Q2 và cụ Y có 10 người con là ông Lê Văn H1, sinh năm 1949; bà Lê Thị T1 (X), sinh năm 1951; bà Lê Thị K2, sinh năm 1953; bà Lê Thị N1, sinh năm 1954, ông Lê Văn H2, sinh năm 1957; ông Lê Văn D1, sinh năm 1958; ông Lê Văn Q1, sinh năm 1960 và bà Lê Thị M1, sinh năm 1964. Các cụ còn có một người con là Lê Văn V, sinh năm 1962 đã chết năm 1963. Ngoài ra, các cụ không có con nuôi, con riêng nào khác. Khi còn sống, cụ Q2, cụ Y tạo lập được thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, diện tích 169.8m² là đất ở tại đô thị, địa chỉ tại số 13 phố Hai Bà Trưng, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, trên đất các cụ đã tạo lập được một nhà bê tông cốt thép 01 tầng diện tích xây dựng 120m² đã được UBND thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00937 ngày 08/12/2005 mang tên cụ Nguyễn Thị Y.

- **Theo nguyên đơn - ông Lê Văn K1:** Cụ Q2 chết không để lại di chúc. Sau khi cụ Q2, cụ Y và bà Lê Thị T1 (X) vẫn ở trên nhà đất vì bà T1 không có chồng, con. Cụ Nguyễn Thị Y, chết ngày 29/9/2009; trước khi chết cụ Y có để lại di chúc, cụ thể là Di chúc cụ Y lập tại Phòng công chứng nhà nước số 1 do công chứng viên H1g Nam Phong thực hiện ngày 28/5/2009 có nội dung: Cụ Y xác định là người đồng sở hữu bất động sản là nhà đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, diện tích 169.8m² tại địa chỉ số X phố H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương với bố ông là cụ Lê Văn Q2. Trước khi chết cụ Y định đoạt phần bất động sản là nhà và đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Y cho bà Lê Thị T1 (Xíu) được hưởng và bà T1 không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào với những người thừa kế khác. Kể từ khi cụ Y chết cho đến nay, do bà T1 (Xíu) không có chồng, con nên vẫn là người quản lý sử dụng T1 bộ tài sản là di sản thừa kế do cụ Q2, cụ Y để lại. Do các anh chị em ông không thống nhất được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế do bố mẹ để lại nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia phần di sản thừa kế của cụ Lê Văn Q2 để lại cụ thể là ½ diện tích đất và ½ công trình trên đất theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản thừa kế của cụ Y cụ thể là ½ diện tích đất và ½ công trình trên đất cụ Y đã lập di chúc cho bà Lê Thị T1 (Xíu) được hưởng nên ông nhất trí không có ý kiến gì.

- **Theo bị đơn bà Lê Thị T1 (Xíu):** Khi cụ Q2 chết không để lại di chúc định đoạt phần tài sản là đất và nhà của mình trong khối tài sản chung với cụ Y Sau khi cụ Q2 chết, cụ Y và bà vẫn ở trên nhà đất đó vì bản thân bà không có chồng, con. Trước khi chết, cụ Y có lập di chúc tại Phòng công chứng nhà nước số 1 vào ngày 28/5/2009 xác định cụ Y là người đồng sở hữu bất động sản là nhà đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, diện tích 169.8m² tại địa chỉ số X phố H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương với cụ Lê Văn Q2. Cụ Y đã định đoạt phần bất động sản là nhà và đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ Y cho bà được hưởng và bà không phải thực hiện bất kỳ nghĩa vụ dân sự nào với những người thừa kế khác. Kể từ khi cụ Y chết cho đến nay, do bà không có chồng con nên bà vẫn là người quản lý sử

dụng T1 bộ tài sản là di sản do hai cụ để lại. Trong di chúc có nội dung phần di sản của cụ Y cho bà được hưởng sẽ do bà thỏa thuận với những người được thừa kế của đồng sở hữu khác nhưng bà không thỏa thuận được với những anh chị em khác. Do vậy, bà đã có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận di chúc của cụ Y cho bà để bà xác lập quyền sở hữu, sử dụng đối với phần tài sản này theo hướng chia đôi theo chiều dọc thửa đất và giao cho bà phần đất có công trình nhà đầy đủ để bà đảm bảo cuộc sống có chỗ ăn ở. Đối với phần di sản của cụ Q2 để lại không có di chúc, bà đề nghị chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp những người trong hàng thừa kế không ai nhận hiện vật, hoặc việc chia bằng hiện vật không đảm bảo quyền sử dụng theo quy định thì bà đề nghị giao cả cho bà và bà sẽ chịu trách nhiệm chi trả cho những người thuộc hàng thừa kế giá trị bằng tiền.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn H2, bà Lê Thị K2 và bà Lê Thị M1** trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của ông K1 về việc chia phần di sản thừa kế do cụ Q2 để lại do không có di chúc, cũng như yêu cầu phản tố của bà T1 yêu cầu công nhận di chúc của cụ Y đã cho bà T1 các ông bà nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện và yêu cầu phản tố nêu trên đúng theo quy định của pháp luật, tạo sự công bằng và ổn định tình cảm cho tất cả các anh chị em trong gia đình. Đối với phần di sản thừa kế được hưởng, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị được hưởng giá trị bằng tiền, đồng thời đều đề nghị giao T1 bộ cho bà T1 sử dụng để bà T1 có nơi ăn ở ổn định.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn D1, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, bà Lê Thị N1** trình bày: Quyền sử dụng đất và công trình tại số X phố H có nguồn gốc là năm 1948 bố các ông, bà là cụ Lê Văn Q2 khi hồi cư có đề nghị và xin được ở nhà đất này nên được Phòng Hành chính Tòa tỉnh trưởng (thuộc chế độ cũ) đồng ý cho nhận nhà đất. Khi đó còn có ba người em của cụ Q2 là cụ Lê Thị L2 (đã chết 1977), cụ Lê Văn P sinh năm 1930 và cụ Lê Thị T2 sinh năm 1940 đã về ở cùng nhưng đến năm 1955 gia đình phát sinh mâu thuẫn thì các cụ L2, cụ P cụ T2 không còn ở chung nhà nữa cho đến nay.

Mẹ các ông, bà là cụ Nguyễn Thị Y kết hôn với cụ Q2 vào ngày 25/12/1948 trong khi cụ Q2 xin được nhà đất từ ngày 14/02/1948. Sau kết hôn, hai cụ lần lượt sinh được các anh chị em ông bà, khi còn nhỏ thì tất cả gia đình đều ở nhà đất này, sau gia đình có nhiều mâu thuẫn thì anh chị em ở nơi khác, sinh sống riêng. Từ năm 2012 thì chỉ còn bà T1 (X) do không có chồng, con nên ở lại trên đất này từ đó đến nay.

Đối với di chúc do cụ Y để lại đã định đoạt phần tài sản của cụ cho bà T1 các ông, bà không nhất trí bởi lý do đây là tài sản của cụ Q2 có trước khi kết hôn với cụ Y nên cụ Y không thể tự ý một mình định đoạt cho riêng bà T1 được. Vì vậy, đối với yêu cầu phản tố của bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận di chúc cụ Y cho bà T1 để bà T1 xác lập quyền sở hữu, sử dụng đối với phần tài sản này các ông bà không nhất trí và đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết. Đối với yêu cầu của ông K1 đề nghị phân chia phần di sản do cụ Q2 để lại mà không phân chia cả di sản của cụ Y, thì các ông, bà cũng không nhất trí phân chia.

Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn H1, bà Lê Thị N1, ông Lê Văn Q1 và ông Lê Văn D1 đều thể hiện quan điểm đề nghị Tòa

án xác định T1 bộ tài sản nhà, đất tại số X, phố H phải được chia đều cho tất cả những người thuộc hàng thừa kế thì các ông bà mới nhất trí.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 20/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đã quyết định: Áp dụng các Điều 8, 609, 610, 611, 613, 614, 623, 624, khoản 1 Điều 625, khoản 1 Điều 626, khoản 2 và khoản 3 Điều 628, khoản 1 Điều 630, khoản 1 Điều 631, Điều 635, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn K1 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất là phần di sản do cụ Lê Văn Q2 để lại.

Xác nhận phần di sản cụ Lê Văn Q2 để lại để phân chia là quyền sử dụng diện tích 84.9m² đất ở tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Số X, phố H, phường Q trị giá 5.518.500.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất trị giá 76.661.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu công nhận, phân chia thừa kế theo di chúc đối với quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất và $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất là phần di sản do cụ Nguyễn Thị Y để lại.

Xác nhận di sản cụ Nguyễn Thị Y để lại theo di chúc là quyền sử dụng diện tích 84.9m² đất ở tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, tỉnh Hải Dương trị giá 5.518.500.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất trị giá 76.661.000 đồng.

- Xử giao cho bà Lê Thị T1 (tức Xíu) được quyền sử dụng T1 bộ thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, diện tích 169.8m² địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, tỉnh Hải Dương trị giá 11.037.000.000 đồng và T1 bộ tài sản trên đất trị giá 153.322.000 đồng. Tổng giá trị đất ở và tài sản trên đất: 11.190.322.000 đồng. Bà Lê Thị T1 (tức Xíu) có nghĩa vụ thực hiện xác lập quyền sử dụng, sở hữu đối với tài sản được giao tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Buộc bà Lê Thị T1 (tức Xíu) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền cho những người được hưởng thừa kế gồm: Ông Lê Văn K1, ông Lê Văn H1, bà Lê Thị K2, bà Lê Thị N1, ông Lê Văn H2, ông Lê Văn D1, ông Lê Văn Q1 và bà Lê Thị M1 mỗi người là 621.684.554 đồng.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn D1, bà Lê Thị N1 đều kháng cáo nội dung: xác định T1 bộ nhà đất số X phố H, TP H là tài sản của ông bà nội là cụ Lê Văn Tạo và cụ Nguyễn Thị Phương, không phải tài sản của cụ Q2, cụ Y; Nếu là di sản của bố mẹ thì các ông bà đề nghị chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, không công nhận di chúc của cụ Y. Đề nghị chia kỷ phần cho các ông bà bằng hiện vật đất ở để cho ông Q1 sử dụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông H1, ông Q1, ông D1, bà N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo xác định nguồn gốc tài sản của ông bà nội là cụ Phương, cụ Tạo, không đồng ý nội dung di chúc của cụ Y. Trường hợp chia thừa kế ông H1, ông D1, bà N1 tự nguyện tặng cho

ông Q1 ký phần thừa kế được hưởng. Hiện nay công trình đã cũ, nên đề nghị phá dỡ công trình, chia thừa kế cho các ông bà bằng hiện vật là đất để ông Q1 làm nhà.

Ông K1, bà T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phần tố xác định nhà đất là tài sản chung của bố mẹ, không liên quan đến tài sản của cụ Tạo, cụ Phương vì được chính quyền cũ đã giao nhà đất cho cụ Q2 vào năm 1948 có giấy tờ giao, xác định đây là tài sản chung của cụ Q2, cụ Y. Cụ Y đã di chúc cho bà T1 ½ diện tích nhà đất là hợp pháp. Hiện nay bà T1 đang ở nhà đất, không có chỗ ở nào khác. Nếu cắt chia một phần đất cho ông Q1 thì sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của công trình, nên đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà K2 không đồng ý các nội dung kháng cáo, xác định nhà đất là tài sản của cụ Q2, cụ Y. Trước đây gia đình ông Q1 đã ở cùng bà T1, nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Sau đó vợ chồng ông Q1 đã mua nhà đất tại đường Trần Hưng Đạo nhưng sau đó bán đi không phải không có chỗ ở. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao nhà đất cho bà T1 vì bà không có chỗ ở nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS từ khi thụ lý đến khi xét xử. Các đương sự chấp hành quyền nghĩa vụ theo BLTTDS; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo nhà đất tại số 13 Hai Bà Trưng, TP Hải Dương là của cụ Phương, cụ Tạo; Xác định đây là tài sản chung của cụ Q2, cụ Y; Chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1, ông Q1, ông D1, bà N1; sửa một phần bản án sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của ông H1, ông D1, bà N1 tự nguyện tặng cho ông Q1 ký phần thừa kế được hưởng và giao ký phần của ông H1, ông Q1, ông D1, bà N1 bằng đất và giao cho ông Q1 sử dụng để có chỗ ở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn D1, bà Lê Thị N1 trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xem lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn D1, bà Lê Thị N1.

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo xác định T1 bộ nhà đất số X, phố H, phường Q, thành phố H là tài sản của cụ Lê Văn Tạo và cụ Nguyễn Thị Phương, không phải tài sản của cụ Lê Văn Q2, cụ Nguyễn Thị Y vì tài sản nhà đất này trước đây của hai cụ, sau đó hai cụ đi tản cư và chết ở nơi tản cư nên là tài sản của hai cụ. Việc xem xét nội dung kháng cáo trên cần xem xét căn cứ xác lập quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất trên cơ sở xác minh và hồ sơ địa chính do cơ quan chuyên môn quản lý đất đai, quá trình thực tế quản lý sử dụng. Theo tài liệu do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cung cấp thì nguồn gốc nhà đất trên cụ Lê Văn Q2 được Toà tỉnh trưởng Hải Dương (thuộc chế độ cũ) đồng ý cho lấy lại ngày 14/02/1948 để cải tạo, sửa chữa nhà cũ thành nhà ở (BL85). Đến ngày 25/12/1948 cụ Q2 kết hôn với cụ Y, sau đó các cụ sinh sống trên nhà đất này từ khi được giao đến khi chết. Đồng thời quá trình sử dụng hàng năm cụ Q2, cụ Y đều đóng thuế thổ trạch (BL 85, 86). Đến các năm 1978 và 1980 các cụ đều xin giấy phép tại Ủy ban hành chính thị xã Hải Dương

để sửa chữa, cải tạo nâng cấp nhà ở và hai cụ vẫn quản lý sử dụng đất cho đến khi chết. Như vậy, cụ Q2 được sử dụng nhà đất này trên cơ sở được giao đất của chính quyền chế độ cũ theo chính sách đất đai thời kỳ đó. Hai cụ quản lý, sử dụng hợp pháp nhiều năm không có tranh chấp. Năm 2005, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất này theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ457742, sổ vào sổ cấp giấy H00937 mang tên cụ Nguyễn Thị Y với ghi chú “Chồng là Lê Văn Q2 (đã mất), gia đình chưa làm thủ tục khai nhận thừa kế”. Như vậy theo quy định Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, cùng với thực tế sử dụng nhà đất chung của hai cụ, nên xác định mặc dù Nhà nước giao đất cho cụ Q2 nhưng sau khi kết hôn với cụ Y, cụ Q2 đã nhập vào tài sản chung vợ chồng đã sử dụng chung trong nhiều năm, nên xác định là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cụ Lê Văn Q2 và cụ Nguyễn Thị Y.

Ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn D1, bà Lê Thị N1 đều kháng cáo nội dung: xác định T1 bộ nhà đất số X, phố H, thành phố H là tài sản của ông bà nội là cụ Lê Văn Tạo và cụ Nguyễn Thị Phương, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh nội dung kháng cáo này. Các ông bà đưa ra nội dung: Khi Cụ Q2 được giao lại nhà đất thì có cụ Lâm, cụ Phê, cụ Thìn ở cùng cụ Q2. Tuy nhiên, quyền sử dụng đất của cụ Q2, cụ Y được xác định theo văn bản giao nhà đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của thời kỳ đó và quá trình thực tế quản lý, sử dụng đất từ khi được giao đất và sau này Nhà nước ghi nhận quyền bằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Y. Quá trình sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không ai có khiếu nại, tranh chấp, ông Q1 trực tiếp đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Y. Mặt khác, nội dung lời khai của những người có kháng cáo tại giai đoạn sơ thẩm đều xác định là tài sản riêng của cụ Q2 không phải tài sản chung của cụ Q2, cụ Y, nên đề nghị chia đều di sản là T1 bộ nhà đất cho hàng thừa kế thứ nhất. Như vậy xác định cụ Q2, cụ Y là chủ sử dụng thừa đất nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo không đồng ý bản di chúc của cụ Y: Như đã phân tích ở trên, xác định nhà đất tại nhà đất số X, phố H, thành phố H là tài sản chung của cụ Q2, cụ Y. Ngày 28/5/2009, tại phòng công chứng nhà nước số 1 tỉnh Hải Dương; cụ Nguyễn Thị Y lập di chúc bằng văn bản có hai người làm chứng và do công chứng viên thực hiện lời chứng. Nội dung di chúc thể hiện ý chí của cụ Y cho bà Lê Thị T1 được hưởng di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ diện tích đất và $\frac{1}{2}$ công trình trên đất nhà đất của hai cụ. Việc cụ Y định đoạt bằng di chúc cho bà T1 không vượt quá quyền sở hữu, sử dụng của cụ trong khối tài sản chung vợ chồng với cụ Q2. Cụ Y lập di chúc là H1 T1 tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép và H1 T1 minh mẫn sáng suốt khi lập di chúc. Như vậy, nội dung và thủ tục lập di chúc của cụ Y đúng quy định pháp luật không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 609, 610, 624, Khoản 1 Điều 625, Khoản 1 Điều 626, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 628, Khoản 1 Điều 630, Khoản 1 Điều 631 Bộ luật Dân sự nên được xác định là di chúc hợp pháp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn D1, bà Lê Thị N1 về nội dung này.

[2.3] Về việc phân chia thừa kế:

Tại bản án sơ thẩm đã xác định đúng di sản thừa kế, thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế theo pháp luật. Việc phân chia di sản cụ thể như sau:

Di sản là tài sản chung của cụ Q2, cụ Y để lại là thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, diện tích 169.8m² địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, trị giá 169.8m² x 65.000.000 đồng/m² = 11.037.000.000 đồng và T1 bộ tài sản trên đất trị giá 153.322.000 đồng. Tổng giá trị đất ở và tài sản trên đất: 11.190.322.000 đồng. Bà Lê Thị T1 được hưởng ½ diện tích đất và ½ giá trị tài sản trên đất là phần di sản của cụ Y định đoạt tại di chúc cụ thể bà T1 được hưởng 84.9m² đất ở x 65.000.000 đồng/m² = 5.518.500.000 đồng và giá trị tài sản trên đất 153.322.000 đồng/2 = 76.661.000 đồng.

Hàng thừa kế của cụ Q2 gồm: cụ Y, ông H1, bà T1, bà K2, bà N1, ông K1, ông H2, ông D1, ông Q1 và bà M1. Do vậy, một kỷ phần thừa kế được hưởng 1/10 giá trị đất ở tương đương 8,49m² đất ở x 65.000.000 đồng/m² = 551.850.000 đồng và giá trị tài sản trên đất 76.661.000 đồng/10 = 7.666.100 đồng. Tổng mỗi người được hưởng phần di sản của cụ Q2 là 559.516.100 đồng.

Do cụ Nguyễn Thị Y chết năm 2009 nên kỷ phần cụ Y được hưởng từ cụ Q2 là trị giá 559.516.100 đồng sẽ được chia đều cho những người thuộc hàng thừa kế của cụ Y gồm ông H1, bà T1, bà K2, bà N1, ông K1, ông H2, ông D1, ông Q1 và bà M1 mỗi người được hưởng 1/9 giá trị đất ở tương đương 0,94333333 m² trị giá 61.316.666 đồng (đã làm tròn) và giá trị tài sản trên đất trị giá 7.666.100 đồng/9 = 851.788 đồng. Tổng mỗi người được hưởng phần giá trị tài sản cụ Y được hưởng từ cụ Q2 là 62.168.454 đồng.

Như vậy, giá trị di sản là đất và tài sản trên đất bà Lê Thị T1 được hưởng theo di chúc của cụ Y là 5.595.161.000 đồng; bà T1 được hưởng kỷ phần di sản đất và tài sản trên đất do cụ Q2 để lại là 559.516.100 đồng và được hưởng giá trị tài sản mà cụ Y được hưởng từ cụ Q2 là 62.168.454 đồng. Tổng giá trị bà T1 được hưởng là 6.216.845.554 đồng.

Ông Lê Văn K1, ông Lê Văn H1, bà Lê Thị K2, bà Lê Thị N1, ông Lê Văn H2, ông Lê Văn D1, ông Lê Văn Q1 và bà Lê Thị M1 được hưởng phần giá trị di sản đất và tài sản trên đất do cụ Q2 để lại mỗi người là 559.516.100 đồng và được hưởng giá trị tài sản đất và tài sản trên đất cụ Y được hưởng từ cụ Q2 là 62.168.454 đồng. Tổng là 621.684.554 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H1, ông D1, bà N1 tự nguyện tặng cho ông Q1 kỷ phần thừa kế được hưởng, nên sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cho ông Q1 hưởng kỷ phần của ông H1, ông D1, bà N1. Như vậy, ông Q1 được hưởng 4 kỷ phần trị giá 2.486.738.000đ (làm tròn).

[2.4] Xét kháng cáo yêu cầu được hưởng bằng hiện vật:

Người kháng cáo là ông H1, ông D1, bà N1 ông Q1 đề nghị chia kỷ phần thừa kế cho các ông bà bằng đất. Căn cứ vào hiện trạng thửa đất và nhu cầu sử dụng, thấy rằng: Bà Lê Thị T1 từ khi sinh ra không có chồng con ở cùng bố mẹ tại nhà đất trên và hiện là người đang quản lý, sử dụng T1 bộ nhà và đất, không có nơi ở nào khác. Bà T1 đề nghị được giao sở hữu, sử dụng T1 bộ nhà đất và bà sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế bằng tiền. Nội dung đề nghị này của bà T1 phù hợp với thực tế sử dụng, phù hợp với quan điểm của nguyên đơn là ông K1, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà K2, ông H2, bà M1 đều đề nghị giao cho bà T1 bằng hiện vật và đồng ý nhận kỷ phần bằng tiền. Đồng thời

ông K1, bà K2, ông H2, bà M1 có quan điểm sau khi bà T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác xong thì các ông bà mới yêu cầu bà T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho mình. Đối với ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q1, bà N1 và ông D1 đề nghị tháo dỡ nhà và chia kỹ phần thừa kế cho ông bà bằng đất, thấy rằng kỹ phần hưởng thừa kế của những người này nếu chia bằng hiện vật là đất và công trình trên đất sẽ không đảm bảo giá trị sử dụng của công trình nhà trên đất. Mặt khác, các đương sự đều xác định khi anh chị em ở cùng đã phát sinh những mâu thuẫn, ông Q1 đã ra ngoài và mua nhà đất ở chỗ khác sau mới bán đi. Với việc được hưởng giá trị 4 kỹ phần thừa kế là 2.486.738.000đ (làm tròn) ông Q1 H1 T1 có thể tạo lập chỗ ở phù hợp. Vì vậy, để đảm bảo giá trị sử dụng đất và công trình trên đất, xem xét điều kiện H1 cảnh của bà T1, cấp sơ thẩm đã giao T1 bộ đất và công trình trên đất là phần di sản của cụ Q2 và cụ Y cho bà Lê Thị T1 được quyền sử dụng và sở hữu là phù hợp, nên không chấp nhận kháng cáo về nội dung này. Bà Lê Thị T1 phải có trách nhiệm thanh toán giá trị kỹ phần di sản của cụ Q2 để lại cho các đồng thừa kế khác bằng tiền. Cụ thể: Ông Lê Văn K1, bà Lê Thị K2, bà Lê Thị M1, ông Lê Văn H2 mỗi người là 621.684.554 đồng; giá trị 4 kỹ phần của bà Lê Thị N1, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn D1, ông Lê Văn Q1 sẽ thanh toán cho ông Q1 là 2.486.738.000đ.

[2.5] Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy rằng không chỉ có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông H1, bà N1, ông D1, ông Q1, sửa bản án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự giao cho ông Q1 hưởng kỹ phần của ông H1, ông D1, bà N1. Như vậy, ông Q1 được hưởng 4 kỹ phần trị giá 2.486.738.000đ.

[3] Về án phí: ông H1, bà N1, ông D1, ông Q1 (là người cao tuổi) kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn D1, bà Lê Thị N1; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

2. Áp dụng các Điều 8, 609, 610, 611, 613, 614, 623, 624, khoản 1 Điều 625, khoản 1 Điều 626, khoản 2 và khoản 3 Điều 628, khoản 1 Điều 630, khoản 1 Điều 631, Điều 635, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn K1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Q2 theo pháp luật đối với quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện

tích đất và quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, tỉnh Hải Dương.

- Xác định di sản cụ Lê Văn Q2 là quyền sử dụng 84.9m² đất ở trị giá 5.518.500.000 đồng tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, tỉnh Hải Dương và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất trị giá 76.661.000 đồng

2.2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu công nhận, phân chia thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị Y đối với quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất và quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản trên đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, tỉnh Hải Dương.

- Xác định di sản cụ Nguyễn Thị Y để lại thừa kế theo di chúc cho bà Lê Thị T1 có quyền sử dụng diện tích 84.9m² đất ở tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, tỉnh Hải Dương trị giá 5.518.500.000 đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên đất trị giá 76.661.000 đồng.

2.3. Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị Y chia theo pháp luật là kỹ phần cụ Y hưởng thừa kế của cụ Q2 trị giá: 559.516.100 đồng.

2.4. Chấp nhận sự tự nguyện của của bà Lê Thị N1, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn D1, tự nguyện tặng cho ông Lê Văn Q1 kỹ phần thừa kế của mình.

3. Về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Q2, cụ Y:

3.1. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lê Văn Q2 gồm: cụ Y, ông H1, bà T1, bà K2, bà N1, ông K1, ông H2, ông D1, ông Q1 và bà M1. Do vậy, một kỹ phần thừa kế được hưởng 8,49m² đất ở, trị giá 551.850.000 đồng và giá trị tài sản trên đất 7.666.100 đồng. Tổng mỗi người được hưởng phần di sản của cụ Q2 là 559.516.100 đồng.

3.2. Hàng thừa kế của cụ Nguyễn Thị Y gồm: ông H1, bà T1, bà K2, bà N1, ông K1, ông H2, ông D1, ông Q1 và bà M1 mỗi người được hưởng 0,94333333 m² trị giá 61.316.666 đồng (đã làm tròn) và giá trị tài sản trên đất trị giá 851.788 đồng. Tổng mỗi người được hưởng phần giá trị tài sản cụ Y được hưởng từ cụ Q2 là 62.168.454 đồng.

- Giá trị 1 kỹ phần thừa kế được hưởng của cụ Q2, cụ Y là: 621.684.554đ.

3.3. Về chia giao hiện vật và nghĩa vụ thanh toán:

3.3.1. Xử giao cho bà Lê Thị T1 (tức Xứ) được quyền sử dụng T1 bộ thửa đất số 269, tờ bản đồ số 21, diện tích 169.8m² địa chỉ: Số X, phố H, phường Q, tỉnh Hải Dương trị giá 11.037.000.000 đồng (*M1 một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu đồng*) và T1 bộ tài sản trên đất trị giá 153.322.000 đồng (*Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Tổng giá trị đất ở và tài sản trên đất: 11.190.322.000 đồng (*M1 một tỷ một trăm chín mươi triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng*)

3.3.2. Buộc bà Lê Thị T1 (tức Xứ) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế bằng tiền cho những người được hưởng thừa kế gồm: Ông Lê Văn K1, bà Lê Thị K2, ông Lê Văn H2, bà Lê Thị M1 mỗi người là 621.684.554 (*Sáu trăm hai mươi một triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn năm trăm năm mươi tư đồng*)

Buộc bà Lê Thị T1 (tức Xứ) phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán giá trị kỹ phần thừa kế bằng tiền của ông Lê Văn D1, ông Lê Văn H1, bà Lê Thị N1, ông Lê Văn Q1 cho ông Q1 nhận giá trị 4 kỹ phần là 2.486.738.000đ (*Hai tỷ, bốn trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Q1, ông Lê Văn D1, bà Lê Thị N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 22/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THA thành phố Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu HS; lưu toà.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Thị Yến